UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12 /QĐ-PTCKH

Biên Hòa, ngày 07 tháng 02 năm2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2023 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Trưởng phòng và các Tổ chuyên môn phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng Văn hóa và TT (phối hợp công khai);
- Các Phó Trưởng phòng;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu:VT, Kế toán.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Vũ Quốc Thái

Đơn vị: PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
Chương: 618

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Căn cứ Nghị địnhh 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3		5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**617.000.000**	**2.070.872.666**	**335,64%**	**132,09%**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**17.000.000**	**72.443.976**	**426,14%**	**20,19%**
1	Lệ phí	0	**0**		
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD	0	**0**		
2	Phí	17.000.000	**72.443.976**	426,14%	175,79%
	Phí thẩm định dự án	17.000.000	**72.443.976**	426,14%	175,79%
II	**Thu khác**	**600.000.000**	**1.998.428.690**	**333,07%**	**165,30%**
	Thu thẩm tra quyết toán	600.000.000	**1.863.715.090**	310,62%	172,94%
	Kinh phí tổ chức bán đấu giá		**105.027.600**		116,77%
	Thu khác		**29.686.000**		71,81%
III	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**615.300.000**	**910.406.600**	**147,96%**	**129,21%**
1	Chi sự nghiệp……..		**0**		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		**0**		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		**0**		
2	Chi quản lý hành chính	615.300.000	**910.406.600**	147,96%	129,21%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	615.300.000	**910.406.600**	147,96%	129,21%
	Phí thẩm định dự án	15.300.000	**11.932.000**	77,99%	116,75%
	Thu thẩm tra quyết toán	600.000.000	**751.212.000**	125,20%	129,45%
	Kinh phí tổ chức bán đấu giá		**127.576.600**		189,29%
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD		**0**		
	Thu khác		**19.686.000**		42,15%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		**0**		
IV	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**1.700.000**	**65.773.754**	**3869,04%**	**18,73%**
1	Lệ phí	0	**0**		
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD	0	**0**		
2	Phí	1.700.000	**65.773.754**	3869,04%	195,72%
	Phí thẩm định dự án	1.700.000	**65.773.754**	3869,04%	1596,08%

B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5.248.380.000**	**4.147.549.366**	**79,03%**	**122,36%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**5.248.380.000**	**4.147.549.366**	**79,03%**	**122,36%**
1	**Chi quản lý hành chính**	**5.248.380.000**	**4.147.549.366**	**79,03%**	**122,36%**
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.769.780.000**	**3.714.703.000**	**98,54%**	**123,40%**
	- Thanh toán cá nhân	2.365.780.000	**2.369.203.000**	100,14%	107,54%
	+ Lương, PC theo lương	*2.365.780.000*	**2.369.203.000**	100,14%	107,54%
	+ Trợ cấp tết		**0**		
	-Chi hoạt động:	*1.404.000.000*	**1.345.500.000**	95,83%	166,69%
	+Chi hoạt động		**251.813.300**		132,72%
	+Chi bổ sung thu nhập		**801.686.700**		293,19%
	+ Trợ cấp ăn trưa		**133.000.000**		98,15%
	+Chi hỗ trợ khác		**159.000.000**		76,26%
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	***1.478.600.000***	**432.846.366**	**29,27%**	**114,08%**
	340-341	***1.478.600.000***	**432.846.366**	**29,27%**	**114,08%**
	- BCĐ PTKTTT	45.000.000	**0**	0,00%	
	- KP hoạt động ngoài khoán	225.000.000	**115.194.340**	51,20%	83,70%
	- KP hoạt động thu phí, lệ phí	135.000.000	**100.017.730**	74,09%	76,55%
	- Kinh phí cưỡng chế	900.000.000	**86.250.000**	9,58%	
	- Kinh phí tổ chức đối thoại doanh nghiệp	36.000.000	**4.784.296**	13,29%	
	- CP thẩm định giá Bến Thủy Nguyễn Văn Trị	110.000.000	**99.000.000**	90,00%	
	Trợ cấp Tết theo QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh	27.600.000	**27.600.000**	100,00%	125,45%